

Số: /KH-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 7 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2022

Thực hiện Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình Mục tiêu quốc gia; Công văn số 2006/LĐTĐ-BHXH-VPQG ngày 15/6/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phạm vi, đối tượng phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022; Kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 19/7/2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025;

UBND tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2022, như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO NĂM 2021

1. Đánh giá chung

Công tác giảm nghèo được các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và toàn xã hội quan tâm, được thực hiện đồng bộ, kịp thời góp phần thúc đẩy giảm nghèo nhanh và bền vững, trong đó triển khai đầy đủ chính sách của Trung ương, tỉnh đã ban hành cơ chế, chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh kịp thời ban hành nghị quyết, chương trình, kế hoạch và các chính sách đặc thù của tỉnh để hỗ trợ công tác giảm nghèo nhanh và bền vững từ đó giải quyết kịp thời các vấn đề cơ bản của hộ nghèo, cận nghèo, thôn, xã và huyện nghèo về nhà ở, đất ở, đất sản xuất, khám, chữa bệnh, học tập, vay vốn, cơ sở hạ tầng. Kết quả huy động nguồn lực được tập trung, mặc dù điều kiện kinh tế của tỉnh còn khó khăn nhưng đã dành một phần ngân sách để thực hiện các nội dung đối ứng về tín dụng, xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là chính sách hỗ trợ đặc thù; việc sử dụng vốn huy

động đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, nâng cao đời sống của một bộ phận người dân thuộc hộ nghèo, người dân vùng đặc biệt khó khăn, vùng an toàn khu, biên giới đảm bảo an sinh xã hội qua đó góp phần quan trọng trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, yêu cầu Nghị quyết của Trung ương, Quốc hội và Chính phủ về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, giảm nghèo bền vững.

Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp và cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo đã phát huy vai trò tham mưu, chủ động và hướng dẫn quá trình triển khai thực hiện đáp ứng cơ bản chức năng, nhiệm vụ được phân công; các chế độ, chính sách giảm nghèo cơ bản được giải quyết kịp thời, đúng quy định; công tác thông tin, tuyên truyền tiếp tục được đẩy mạnh góp phần nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về công tác giảm nghèo, nhất là trong nhận thức của người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số đã có chuyển biến tích cực, chuyển đổi về hành vi để tự vươn lên thoát nghèo, phấn đấu vươn lên làm giàu.

2. Kết quả cụ thể

- Kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2021 (*theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg*) đạt 2,12%, tương đương giảm 5.025 hộ, đạt 106% so với kế hoạch.

- Theo chuẩn nghèo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025: tổng số hộ nghèo năm 2021 của tỉnh là 23.510 hộ, chiếm 12,20%; tổng số hộ cận nghèo là 23.248 hộ, chiếm 12,07%.

Theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2022 - 2025, tỉnh Lạng Sơn hiện có 02 huyện nghèo là Bình Gia và Văn Quan; tại các huyện nghèo cơ sở hạ tầng còn thiếu, trình độ dân trí thấp hơn các huyện khác trong tỉnh, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, hàng năm thiên tai, hạn hán mất mùa thường xuyên xảy ra, các điều kiện sống cơ bản của người nghèo, người thuộc hộ cận nghèo còn nhiều khó khăn và ở mức thấp.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, nhất là ở các địa bàn nghèo; tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, dinh dưỡng, thông tin, việc làm và trợ giúp xã hội...).

2. Mục tiêu cụ thể

a) Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2022 từ 3% trở lên (riêng các huyện nghèo, các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao phần đầu giảm từ 5% trở lên); tập trung giảm hộ nghèo tại các xã xây dựng nông thôn mới (*biểu số 01 kèm theo*);

b) Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách giảm nghèo để cải thiện điều kiện sống, giúp người nghèo tiếp cận ngày càng thuận lợi hơn với các dịch vụ xã hội trước hết là về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, vệ sinh, thông tin, việc làm góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo do thiếu hụt các chiều tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản;

c) Cải thiện tốt hơn hệ thống hạ tầng thiết yếu ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn theo tiêu chí nông thôn mới;

d) Hỗ trợ trên 10.000 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội;

đ) 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được cấp thẻ bảo hiểm y tế (BHYT); triển khai hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng, chống thiếu vi chất dinh dưỡng; triển khai thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi) đến 100% trường Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh để giảm chiều thiếu hụt dịch vụ về y tế;

e) 100% học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, học sinh, sinh viên thuộc các đối tượng chính sách được miễn giảm học phí, hỗ trợ gạo và hỗ trợ chi phí học tập; thực hiện đồng bộ các chính sách khác về giáo dục và đào tạo theo quy định để giảm chiều thiếu hụt về giáo dục;

f) Bảo đảm 100% hộ nghèo, người nghèo có nhu cầu được trợ giúp pháp lý miễn phí, tạo điều kiện cho người nghèo hiểu biết quyền, nghĩa vụ của mình, chủ động tiếp cận các chính sách trợ giúp của Nhà nước để vươn lên thoát nghèo;

g) Hỗ trợ dạy nghề gắn với tư vấn, giới thiệu việc làm cho 1.000 lao động nông thôn, đặc biệt là lao động thuộc hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số để giảm chiều thiếu hụt về giáo dục và việc làm;

h) Xây dựng và triển khai dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo có hiệu quả;

i) Tiếp tục hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình chính sách xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh và tăng số hộ được sử dụng nước sạch để giảm chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh;

j) Các hộ dân được tiếp cận thông tin về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kinh nghiệm sản xuất; tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thông qua báo chí, các xuất bản phẩm và các sản phẩm truyền

thông; thực hiện hỗ trợ phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin và hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Nhà nước để giảm chi tiêu hụt về tiếp cận thông tin;

k) Bảo đảm 100% công chức phụ trách công tác giảm nghèo cấp xã, trưởng thôn, người có uy tín tại cộng đồng, cán bộ đoàn thể xã được tập huấn kiến thức, kỹ năng quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; lập kế hoạch có sự tham gia của người dân để giúp phát triển cộng đồng.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI

1. Đối tượng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo). Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn các huyện nghèo;

- Các tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Phạm vi: kế hoạch được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, ưu tiên tập trung đầu tư cho các huyện nghèo, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao; các thôn, xã đặc biệt khó khăn; xã an toàn khu; xã biên giới; xã về đích xây dựng nông thôn mới năm 2022.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các Dự án liên quan đến thực hiện giảm nghèo được ngân sách trung ương bố trí vốn năm 2022, bao gồm các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2022, gồm: Dự án hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo; Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng; Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững; Dự án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo; Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin; Dự án nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.

2. Tập trung nguồn lực ưu tiên đầu tư công trình giao thông, cầu, nhà ở, nước sạch, nhà vệ sinh cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo,... tại địa bàn 02 huyện Bình Gia, Văn Quan để giảm chi tiêu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của các hộ dân, tăng khả năng tiếp cận với các nhu cầu xã hội cơ bản.

3. Đẩy mạnh tuyên truyền mục tiêu giảm nghèo sâu rộng đến các cấp, các ngành, các tầng lớp dân cư và người nghèo nhằm tạo chuyển biến tích cực về nhận thức trong công tác giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của

người nghèo; vận động các doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân cùng góp sức thực hiện công tác giảm nghèo; tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng để vươn lên thoát nghèo bền vững.

4. Lồng ghép việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo nói chung và các chính sách giảm nghèo đặc thù với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn với Chương trình xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

5. Mở rộng và tạo điều kiện tăng cường sự tham gia của người dân đối với các hoạt động của Chương trình từ việc xác định đối tượng thụ hưởng đến việc lập kế hoạch, triển khai, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch trong suốt quá trình thực hiện Chương trình; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình giảm nghèo ở các cấp, phát huy quyền giám sát của người dân ở các vùng được hưởng lợi chương trình, dự án.

6. Trợ cấp thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo như người già cô đơn, trẻ mồ côi, người tàn tật, người đơn thân nuôi con nhỏ,... theo quy định của Chính phủ; trợ cấp đột xuất cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn do thiên tai, bệnh hiểm nghèo.

7. Thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo chung, bao gồm:

a) Hỗ trợ sản xuất, dạy nghề, tạo việc làm cho người nghèo

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo tiếp cận các nguồn vốn, gắn với việc hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, khuyến công và chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất; hỗ trợ đất ở, đất sản xuất đối với hộ nghèo theo quy định; thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhất là hộ có người khuyết tật, chủ hộ là phụ nữ; xây dựng và triển khai dự án hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo bền vững gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2030;

- Gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống. Thực hiện tốt chính sách đào tạo nghề, tư vấn giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn, nhất là lao động nghèo; ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở trường, lớp học, thiết bị, đào tạo giáo viên dạy nghề; gắn dạy nghề với tạo việc làm đối với lao động nghèo. Các địa phương, đoàn thể vận động doanh nghiệp bảo trợ, nhận người nghèo vào làm việc để có thu nhập ổn định. Tạo điều kiện hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài đối với lao động nghèo có nhu cầu. Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Hỗ trợ giáo dục và đào tạo

- Thực hiện có hiệu quả chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh nghèo ở các cấp học theo quy định hiện hành; tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên và các chính sách khác, nhất là sinh viên thuộc hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

- Khuyến khích xây dựng, mở rộng và nâng cao hiệu quả của “Quỹ khuyến học”; ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, hoàn thiện mạng lưới trường, lớp học theo hướng đạt chuẩn ở các xã đặc biệt khó khăn.

c) Hỗ trợ y tế

- Thực hiện có hiệu quả chính sách cấp thẻ BHYT cho người nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Hỗ trợ mua BHYT đối với người thuộc hộ cận nghèo, hộ nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2021;

- Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo, chính sách kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, phòng, chống dịch bệnh;

- Thực hiện hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo; tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng, chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

d) Hỗ trợ nhà ở

Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo ở huyện nghèo theo quy định.

đ) Thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp pháp lý

Tiếp tục thực hiện và triển khai hiệu quả chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn đặc biệt khó khăn và hỗ trợ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình. Tạo điều kiện cho người nghèo hiểu biết quyền, nghĩa vụ của mình, chủ động tiếp cận các chính sách trợ giúp của Nhà nước, vươn lên thoát nghèo bền vững.

V. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Tiểu dự án 1 - Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

a) Nội dung hỗ trợ: công trình đầu tư cấp huyện, liên xã phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, gồm:

- Các công trình giao thông, cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh, sản xuất;
- Các công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia;
- Các công trình y tế đạt chuẩn quốc gia;
- Các công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân;
- Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất;
- Các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao;
- Các loại công trình xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội khác do cộng đồng nghèo trên địa bàn huyện nghèo đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc dân tộc, văn hóa, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật, ưu tiên công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi;
- Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng (10%/tổng vốn đầu tư cơ sở hạ tầng): thực hiện duy tu bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn 02 huyện nghèo (Bình Gia và Văn Quan).

b) Phân công thực hiện

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định;
- UBND các huyện: Bình Gia, Văn Quan chỉ đạo Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn.

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Đối tượng

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn tỉnh, người dân sống tại các huyện nghèo. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo;
- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo triển khai trên địa bàn huyện nghèo, mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện.

b) Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh;

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

c) Phân công thực hiện

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định;

- UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện¹ chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

3.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Đối tượng

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;

- Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

b) Nội dung hỗ trợ

- Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định;

- Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng;

¹ Đối với UBND các huyện là Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc; đối với UBND thành phố là Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

c) Phân công thực hiện

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định;

- UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Phòng chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội, các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn.

3.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

Chưa thực hiện được trong năm 2022 do hiện nay Bộ Y tế chưa ban hành Hướng dẫn thực hiện nội dung cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 nên chưa có cơ sở để triển khai thực hiện và qua tham khảo đề xuất của Văn phòng quốc gia giảm nghèo về dự kiến phương án phân bổ kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 không phân bổ kinh phí thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 3.

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

4.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Đối tượng

- Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp;

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo;

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan;

b) Nội dung hỗ trợ

- Về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo;

- Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (gồm: tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh;

- Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo;
- Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh;
- Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

c) Phân công thực hiện

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định;
- UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn.

4.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Đối tượng

- Người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, cư trú trên địa bàn các huyện Văn Quan, Bình Gia (không bao gồm các địa bàn được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài quy định tại Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030), ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;
- Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
- Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

b) Nội dung hỗ trợ

- Người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện Văn Quan, Bình Gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động;
- Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân tộc thiểu số, người lao động sinh sống trên địa bàn huyện Văn Quan, Bình Gia.

c) Phân công thực hiện

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện;

- UBND huyện Bình Gia, Văn Quan chỉ đạo Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn.

4.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Đối tượng

- Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

- Người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo (Văn Quan, Bình Gia);

- Các trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

b) Nội dung hỗ trợ

- Về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc;

- Hỗ trợ giao dịch việc làm;

- Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác;

- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động;

- Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

Theo Công văn số 2006/LĐTBXH-VPQGGN ngày 16/6/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, năm 2022, không phân bổ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu về người lao động để quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác (hiện nay Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang phối hợp với Bộ Công an nghiên cứu phương án thu thập, kết nối cơ sở dữ liệu về người lao động với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư), không phân bổ vốn sự nghiệp để thực hiện hoạt động quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác.

c) Phân công thực hiện

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định;

- UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn.

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

Chưa thực hiện được trong năm 2022, do hiện nay Bộ Xây dựng chưa ban hành Hướng dẫn thực hiện nội dung Dự án nên chưa có cơ sở để triển khai thực hiện và qua tham khảo đề xuất của Văn phòng Quốc gia giảm nghèo về dự kiến phương án phân bổ kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 không phân bổ kinh phí thực hiện Dự án 5.

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

6.1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Đối tượng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;
- Các huyện nghèo;
- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

b) Nội dung hỗ trợ

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông theo Công văn số 2006/LĐTĐBXH-VPQGGN ngày 16/6/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong năm 2022 bao gồm:

+ Xây dựng chương trình, tài liệu (tài liệu in, điện tử) phục vụ công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng quản lý, thông tin, tuyên truyền, bao gồm cả tiếng dân tộc thiểu số (nếu có).

+ Xây dựng nền tảng công nghệ, trang thiết bị công nghệ thông tin, thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng thông tin, tuyên truyền.

- Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới;

- Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của Nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn), đôn biên phòng để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội;

- Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Theo Công văn số 2006/LĐTĐBXH-VPQGGN ngày 16/6/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của các huyện năm 2022 bao gồm:

- + Thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh cấp xã.
- + Phát triển nền tảng công nghệ cung cấp sách, báo điện tử thiết yếu để phổ biến tác phẩm có giá trị, ý nghĩa lâu dài cho xã hội (bao gồm cả bằng tiếng dân tộc thiểu số).
- + Lựa chọn tác phẩm báo chí có nội dung thiết yếu, có giá trị phổ biến lâu dài để chuyển sang định dạng số và phát hành trên không gian mạng.
- + Lựa chọn xuất bản phẩm in đã xuất bản qua các thời kỳ có giá trị về nội dung và có ý nghĩa lâu dài để xuất bản dưới hình thức xuất bản phẩm điện tử, nhằm cung cấp thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (có tác phẩm, sản phẩm bằng tiếng dân tộc thiểu số), góp phần tiết kiệm nguồn lực của nhà nước và nâng cao hiệu quả truyền thông thông qua xuất bản.

c) Phân công thực hiện

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định;
- UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với Phòng chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện và các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn.

6.2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Đối tượng

- Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình;
- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

b) Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững;
- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo;
- Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững;
- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa

phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo;

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới;

- Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở;

- Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

c) Phân công thực hiện

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định;

- UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa - Thông tin và các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn.

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

7.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) Đối tượng

- Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, công tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

b) Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn;

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

c) Phân công thực hiện

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định;

- UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn.

7.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) Đối tượng

- Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

b) Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện;

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất;

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp;

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

c) Phân công thực hiện

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định;

- UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng chuyên môn về lao động - thương binh và xã hội cấp huyện chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình năm 2022 tối thiểu là 226,9 tỷ đồng, trong đó:

1. Vốn ngân sách Trung ương: 219,5 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển: 157 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 62,5 tỷ đồng);

2. Vốn ngân sách địa phương: 6,5 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển: 4,7 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 1,8 tỷ đồng);

3. Huy động hợp pháp khác: 0,79 tỷ đồng (vốn sự nghiệp: 0,79 tỷ đồng);

UBND tỉnh có giải pháp huy động các nguồn lực hợp pháp khác để cùng với nguồn lực ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình bảo đảm hiệu quả (biểu số 02, biểu 02a, biểu 02b và biểu 02c kèm theo).

VIII. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp quản lý

- Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Trung ương, các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025; thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh, huyện, xã để chỉ đạo thực hiện Chương trình; đồng thời ban hành quy định về cơ chế chính sách giảm nghèo giai đoạn, ưu tiên bố trí nguồn lực (bao gồm ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương, huy động, vận động) cho các huyện nghèo tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu tại các địa bàn xã đặc biệt khó khăn; bố trí vốn để thực hiện các dự án đa dạng hóa sinh kế, cải thiện dinh dưỡng, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng nhằm tạo việc làm cho lao động nghèo có thu nhập vươn lên thoát nghèo bền vững;

- Các huyện, thành phố bám sát mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch chung của tỉnh xây dựng kế hoạch đảm bảo phù hợp theo mục tiêu chung; nghiên cứu các giải pháp cụ thể thiết thực để thực hiện Chương trình bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; khơi dậy, phát huy tinh thần nỗ lực, tự lực vươn lên thoát nghèo của người nghèo, hộ nghèo và cộng đồng;

- Trong quá trình thực hiện, chỉ đạo thực hiện lồng ghép Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với các Chương trình mục tiêu quốc gia trên cùng địa bàn để thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ, nhằm giải quyết cơ bản những khó khăn về cơ sở hạ tầng cấp xã, cấp thôn, bản đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân; hằng năm xây dựng kế hoạch giải quyết nguyên nhân nghèo cụ thể đối với từng hộ nghèo, hộ cận nghèo: hỗ trợ cho vay vốn phát triển sản xuất, làm nhà ở, nước sạch, vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin, cải thiện dinh dưỡng cho trẻ em, đào tạo nghề, tạo việc làm từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân;

- Tăng cường tổ chức tuyên truyền sâu rộng về các chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng và Nhà nước đến mọi tầng lớp dân cư, đặc biệt là công tác huy động, vận động người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tích cực học nghề, tìm kiếm việc làm, tham gia các dự án tạo việc làm, tăng thu nhập hộ gia đình, tham gia các lớp tập huấn, hướng dẫn khoa học, kỹ thuật để áp dụng vào sản xuất, chăn nuôi đem lại hiệu quả kinh tế cao, hỗ trợ tiếp cận thị trường (thông qua các dự án hỗ trợ giống, phân bón, kỹ thuật, bao tiêu sản phẩm...);

- Thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, cụ thể: chính sách BHYT 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân tộc thiểu số sống tại vùng khó khăn, người sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã

hội đặc biệt khó khăn được cấp thẻ BHYT miễn phí, hỗ trợ giáo dục - đào tạo, vay vốn ưu đãi...;

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị doanh nghiệp trong việc thực hiện công tác giảm nghèo; phân công trách nhiệm giúp đỡ hộ nghèo; tạo điều kiện khuyến khích, động viên các hộ tham gia đăng ký thoát nghèo; ưu tiên vốn để hỗ trợ những hộ đăng ký thoát nghèo nhằm tạo ra phong trào thi đua vượt nghèo trong cộng đồng;

- Tổ chức đánh giá kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo chất lượng, phản ánh đúng thực trạng tại địa phương; rà soát, thống kê, cập nhật, lưu trữ đầy đủ số liệu về giảm nghèo làm cơ sở cho việc xây dựng và thực hiện các chính sách giảm nghèo đa chiều trên cơ sở xác định sự thiếu hụt theo các chiều, qua đó tạo điều kiện nhận dạng đối tượng nghèo một cách chính xác, cụ thể đáp ứng đa dạng các nhu cầu xã hội cơ bản của đối tượng thụ hưởng, đồng thời có giải pháp hỗ trợ phù hợp nhu cầu của hộ nghèo, hộ cận nghèo, góp phần tăng tính hiệu quả của chính sách hỗ trợ, hạn chế tình trạng trông chờ, ỷ lại của đối tượng thụ hưởng;

- Thường xuyên kiện toàn, bổ sung kịp thời Ban Chỉ đạo giảm nghèo các cấp, phân công nhiệm vụ phụ trách các địa bàn; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp đáp ứng yêu cầu hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành; có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí và xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình;

- Có cơ chế chính sách khuyến khích các huyện nghèo thoát nghèo và các hộ nghèo thoát nghèo;

- Giải pháp huy động nguồn vốn, lồng ghép nguồn lực:

- + Ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, tạo động lực, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, nguồn Quỹ vì người nghèo, nguồn đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng;

- + Lồng ghép các nguồn kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện giải quyết về môi trường (nhà tiêu hợp vệ sinh), giải quyết thiếu hụt về thông tin (dịch vụ viễn thông, phương tiện phục vụ thông tin), nguồn nước sinh hoạt; việc làm, dinh dưỡng;

- + Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của các địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Kế hoạch của người dân, đối tượng thụ hưởng.

2. Phân công tổ chức thực hiện

2.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh;
- Tham mưu xây dựng Quyết định của UBND tỉnh quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh;
- Tổng hợp phân vốn đầu tư công (đầu tư phát triển) nguồn ngân sách nhà nước (Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương) thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, tổng hợp chung Kế hoạch (mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ, giao kế hoạch) thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh phê duyệt;
- Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư công và khoản 5 Điều 30 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP;
- Tổng hợp, báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia định kỳ hoặc đột xuất, thực hiện nhập Hệ thống giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia theo thời hạn yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2.2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Là cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định;
- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững cho các đơn vị và các huyện, thành phố thực hiện;
- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn các huyện, thành phố triển khai thực hiện các dự án hợp phần của Chương trình;
- Chủ trì thực hiện các dự án: Dự án 1; Dự án 2; Dự án 4; Tiểu dự án 2 - Dự án 6; Dự án 7; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn vốn ngân sách trung ương và cân đối, bố trí vốn đối ứng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách địa phương cho Chương trình, đảm bảo phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn của Trung ương;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình;

- Tổng hợp quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình trong tổng quyết toán ngân sách hàng năm theo quy định.

2.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: chủ trì Tiểu dự án 1 - Dự án 3; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.5. Sở Thông tin và Truyền thông: chủ trì Tiểu dự án 1 - Dự án 6; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.6. Sở Y tế: chủ trì Tiểu dự án 2 - Dự án 3; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.7. Sở Xây dựng: chủ trì Dự án 5; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.8. Ban Dân tộc tỉnh

- Chủ trì rà soát, trình UBND tỉnh danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của Chương trình;

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện các Dự án của Chương trình.

2.9. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan

- Tham gia triển khai nội dung Chương trình trong phạm vi và nội dung, nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực do sở, ban, ngành quản lý;

- Các sở, ban, ngành được phân công thực hiện các chính sách giảm nghèo chịu trách nhiệm rà soát, xây dựng, hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo gắn với chính sách, chương trình và kế hoạch phát triển của sở, ban, ngành; đồng thời chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, thực hiện ở cơ sở.

2.10. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, phối hợp tổ chức vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022; phối hợp thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, thực hiện các mô hình hỗ trợ giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo về hỗ trợ làm nhà ở, phát triển sản xuất,... và đẩy mạnh các hoạt động chăm lo cho người nghèo.

2.11. UBND các huyện, thành phố

- Xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình giảm nghèo bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới có hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế;

- Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh (các cơ quan chủ trì dự án, chủ trì tiểu dự án), hướng dẫn, chỉ đạo cơ sở triển khai thực hiện dự án đạt hiệu quả;

- Thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cập nhật thường xuyên các nguyên nhân của hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm cơ sở cho việc lập kế hoạch giải quyết các chiều thiếu hụt;

- Lồng ghép nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với các nguồn vốn của các Chương trình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn để giải quyết các chiều thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo như: nước sạch, vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin,...

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát đánh giá tại cơ sở và tại các hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm phát hiện các sai sót để uốn nắn kịp thời;

- Chấp hành chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi cần thiết) về tình hình triển khai thực hiện Chương trình về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát. Chủ động cân đối bố trí nguồn vốn đối ứng từ ngân sách huyện, nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác và các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để thực hiện Chương trình.

2.12. Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh

Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh chỉ đạo các doanh nghiệp tham gia hỗ trợ, giúp đỡ huyện, xã nghèo tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ liên kết phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, chuyển giao kỹ thuật đào tạo nghề và nhận lao động nghèo vào làm việc để tăng thu nhập cho hộ nghèo, góp phần giảm nghèo bền vững.

UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch, trong quá trình thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo - Bộ LĐTB&XH;
- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- C, PCVP UBND tỉnh, các Phòng: KGVX, THNC, KT, TT THCB;
- Lưu: VT, KGVX(NCD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Xuân Huyền